TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đặng Hồng Phước

2. Bà Trần Việt Hồng Phượng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hồng Em– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm K, sinh năm 1986 (Có Đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2025 – Bà Nguyễn Thị Diễm K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2003 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông T sống bên nhà của bà tại tổ A, ấp H, xã A, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2022 phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung, từ đó bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể hàn gắn nên ông bà sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay đã được 02 năm. Nay bà yêu cầu Toà án công nhận bà và ông T không phải là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 07/02/2005; cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 19/6/2009; cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 27/5/2013. Hiện cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu L và cháu M đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu M, không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Lê Văn T: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà K và ông T; Về con chung: Bà K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 27/5/2013, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà K không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà K có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lê Văn T có nơi cư trú tại tổ A, ấp H, xã A, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn – Bà K vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận; Bị đơn là ông T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà K và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Theo lời trình bày của bà K, bà và ông Lê Văn T bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2003 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể hàn gắn nên ông bà sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay đã được 02 năm. Nay bà yêu cầu công nhận bà và ông T không phải là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo văn bản số 36/UBND-HT ngày 13/5/2025 của Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã A) về xác nhận tình trạng hôn nhân nội dung thể hiện: Qua tra cứu dữ liệu hộ tịch từ ngày 24/9/2010 đến nay không có thông tin kết hôn tên Nguyễn Thị Diễm K; Theo Công văn số 261/CV-UBND ngày 14/5/2025 của Ủy ban nhân dân xã K (Nay là xã C) về xác nhận tình trạng hôn nhân nội dung thể hiện: Kết quả tra cứu sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị Diễm K, sinh ngày 01/01/1986 và ông Lê Văn T, sinh năm 1985.

Từ những nêu trên, xác định bà K và ông T chung sống như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, trong trường hợp nam nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ông được ly hôn với ông T, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng",* hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Diễm K và ông Lê Văn T là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Giữa bà K và ông T có 03 con chung, cháu Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 07/02/2005; cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 19/6/2009; cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 27/5/2013. Hiện cháu Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu L và cháu M đang sống với bà K. Sau khi ly hôn, bà yêu

cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu M, về phía cháu L và cháu M cũng có bản tự khai có nguyện vọng sống với mẹ là bà K sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc và không làm xáo trộn cuộc sống của con chung hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu L và cháu M cho bà K được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà K phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà K không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà K xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà K là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Kiều và ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Diễm K và ông Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Diễm K được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 27/5/2013

Bà K phải tạo điều kiện cho ông T trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà K không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008277 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (Nay là Phòng THA DS khu vực 10 – An Giang).

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Diễm K và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh